

Quản lý thiết bị dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Trần Thị Lý*

*Học viên cao học - Trường Đại học Trà Vinh

Received: 22/7/2023; Accepted: 31/7/2023; Published: 7/7/2023

Abstract: On the basis of theoretical research and actual situation, the article proposes measures to manage teaching equipment in secondary schools in Tan Hiep district, Kien Giang province, in order to contribute to improving the quality and effectiveness of education. comprehensively for students in the context of current educational innovation

Keywords: Teaching equipment, junior high school, Tan Hiep district, Kien Giang province

1. Đặt vấn đề

Chi thị số 800/CT-BGDĐT, ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 – 2022 đã chỉ rõ: “Ưu tiên cân đối ngân sách để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, TBDH tối thiểu bảo đảm thực hiện chương trình mới đối với lớp 1, lớp 2, lớp 6 và Chương trình giáo dục phổ thông 2018”.

Thời gian qua, công tác quản lý, bảo quản và sử dụng TBDH ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đã được quan tâm hơn, góp phần quan trọng vào việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của toàn ngành. Từ năm 2018, các trường trung học cơ sở đã được trang bị đồ dùng dạy học theo danh mục TBDH tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Từ đó, công tác quản lý trang bị, bảo quản và sử dụng thiết bị dần đi vào nề nếp. Hàng năm các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đều được cấp kinh phí và có kế hoạch đầu tư mua sắm, trang bị bổ sung thiết bị phục vụ dạy học. Hầu hết các trường đều có viên chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm quản lý thiết bị; có hệ thống các phòng chứa thiết bị, hệ thống tủ, giá treo bảo quản thiết bị dần được bổ sung; các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn ngày càng được xây dựng nhiều hơn; có hệ thống hồ sơ quản lý trang thiết bị được số hóa; công tác kiểm kê, kiểm tra đồ dùng dạy học định kỳ cũng được quan tâm.

Tuy nhiên, thực tế công tác quản lý TBDH vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế: Công tác quản lý TBDH ở một số trường còn mang tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả, chưa có kế hoạch trang bị TBDH cho tất cả các môn học ngay từ đầu năm học. Việc mua sắm, trang bị thiết bị, hàng hóa chưa đảm bảo về số lượng, thiếu đồng bộ (thừa, thiếu), chất lượng hạn chế (chưa đảm bảo độ bền, độ chính xác, một số mua mới

nhưng không sử dụng được). Công tác bảo quản còn nhiều bất cập; thiếu không gian lưu trữ hoặc không đủ lưu trữ; thiếu tủ, giá, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn; nhất là quản lý sử dụng TBDH chưa chặt chẽ. Trình độ chuyên môn của giáo viên chưa cao, kỹ năng sử dụng TBDH của giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu thực tế; tình trạng “dạy chay” còn phổ biến, TBDH sử dụng còn mang tính phong trào, chủ yếu chỉ sử dụng trong những trường hợp đặc biệt như hội thi giáo viên dạy giỏi, hội giảng, hoặc khi tiếp đoàn thanh - kiểm tra, hay việc lạm dụng kỹ thuật trong quá trình lên lớp, nó đã làm hạn chế việc đổi mới PPDH ở trường trung học cơ sở (THCS). Vì vậy nghiên cứu Quản lý TBDH ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang là vấn đề cần thiết hiện nay.

2. Nội dung và kết quả nghiên cứu thực trạng

2.1. Khảo sát thực trạng

Thực hiện khảo sát thực trạng quản lý TBDH ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang gồm 150 người với 3 nhóm đối tượng, số lượng cụ thể:

- Cán bộ quản lý: 10 người
- Tổ trưởng chuyên môn: 20 người
- Giáo viên và nhân viên phụ trách TBDH: 120 người

Tác giả sử dụng phương pháp khảo sát chủ yếu là phương pháp quan sát, phương pháp điều tra phiếu trưng cầu ý kiến. Khi có kết quả điều tra khảo sát, đồng thời sử dụng phương pháp thống kê toán học, phần mềm SPSS để xử lý số liệu nhằm đánh giá đúng thực trạng TBDH và QLTB dạy học ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Thực trạng về trang bị, sử dụng và bảo quản TBDH ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Bảng 2.1. Đánh giá của CBQL và GV về trang bị TBDH ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Đối tượng khảo sát		Mức độ đánh giá					TTB	ĐLC	Sig.	
		Chưa có trang bị	Trang bị quá thiếu không đảm bảo yêu cầu	Trang bị đáp ứng một phần	Trang bị đủ so với quy định tối thiểu	Trang bị vượt so với quy định tối thiểu				
1. CBQL	SL	0	2	12	16	0	3,47	0,629	0,189	
	%	0	6,7	40,0	53,3	0				
2. GV	SL	0	20	41	57	2	3,34	0,772		
	%	0	16,7	34,2	47,5	1,7				
TTB							3,41	0,701		

Qua bảng 2.1. cho thấy, cả 2 đối tượng có điểm đánh giá ở mức trị trung bình = 3,41, giá trị này có nghĩa là đánh giá của CBQL và GV về tình hình trang bị TBDH là tương đối đủ so với quy định tối thiểu. Cụ thể, có tần suất đánh giá 53,3% của CBQL và 47,5% GV nhận định rằng TBDH được trang bị đủ. Tuy nhiên, có 6,7% CBQL và 16,7% đánh giá TBDH chỉ đáp ứng được một phần so với yêu cầu.

Nhìn chung, cả 02 đối tượng là CBQL và GV đều đánh giá mức độ trang bị TBDH ở các trường THCS đều đạt loại khá (với điểm đánh giá trung bình của CBQL là TTB=3,47 và của GV là TTB=3,34).

Bảng 2.2. Đánh giá của CBQL và GV về sử dụng TBDH ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Tiêu chí đánh giá	Đối tượng khảo sát	Tần suất sử dụng					TTB	Sig.	
		Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên			
Chuyên đề	CB QL	SL	0	0	0	4	26	4,87	0,013
		%	0	0	0	13,3	86,7		
	GV	SL	0	0	0	52	68	4,57	
		%	0	0	0	43,3	56,7		
Dự giờ	CB QL	SL	0	0	0	4	26	4,87	0,032
		%	0	0	0	13,3	86,7		
	GV	SL	0	0	0	56	64	4,53	
		%	0	0	0	46,7	53,3		
Thực hành, thí nghiệm	CB QL	SL	0	0	0	11	19	4,63	0,000
		%	0	0	0	36,7	63,3		
	GV	SL	0	0	0	61	59	4,49	
		%	0	0	0	50,8	49,2		
Tiết dạy bình thường	CB QL	SL	0	4	19	6	1	3,13	0,033
		%	0	13,3	63,3	20,0	3,3		
	GV	SL	0	18	52	48	2	3,28	
		%	0	15,0	43,3	40,0	1,7		

Kết quả bảng 2.2. cho thấy cả 2 đối tượng được khảo sát có quan điểm đồng nhất với hệ số tương quan là sig.<0,05 và cả 2 nhóm khảo sát này đều nhận định thực trạng sử dụng TBDH ở các trường THCS là “rất

thường xuyên”, chi tiết ở các tiết dạy như sau: Chuyên đề có TTB=4,72; Dự giờ TTB=4,70, Thực hành, thí nghiệm TTB=4,56. Tuy nhiên, ở tiết dạy bình thường (TTB=3,21), cả 2 đối tượng trên đều nhận xét là “thỉnh thoảng”.

Kết quả khảo sát cho thấy: Với hệ số tương quan sig.= 0,000<0,05 thì quan điểm đồng nhất giữa CBQL và GV trong việc đánh giá phân loại TBDH. Trong số 5 mức độ được đưa ra để khảo sát, có trên 50% các đối tượng được hỏi lựa chọn là: “Phân loại chưa khoa học, khó tìm kiếm” (TTB=2,41).

2.3. Thực trạng lập kế hoạch quản lý TBDH ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Kết quả khảo sát 30 CBQL và 120 GV có sự khác biệt khá lớn (sig.=0,570>0,05) với giá trị điểm trung bình = 2,87, cho ta kết luận việc lập kế hoạch công tác TBDH ở các trường THCS ở huyện Tân Hiệp ở mức độ “trung bình”.

Nội dung: “NT có đánh giá thực trạng TBDH hàng năm” với tần suất 63,3%CBQL với điểm đánh giá TB= 3,47 nhận định nội dung này được nhà trường thường xuyên thực hiện, tuy nhiên có tới và 54,2% GV thậm chí có 5,8%GV được khảo sát cho rằng nội dung này ít được thực hiện và không được thực hiện các trường THCS. Điều này cho thấy nhiều đơn vị trường chỉ thực hiện rà soát TBDH khi có yêu cầu báo cáo nhu cầu cần trang bị TBDH từ cấp trên chứ không thực hiện đánh giá thường xuyên.

2.4. Thực trạng tổ chức triển khai kế hoạch quản lý TBDH

Trong 09 chỉ báo được lựa chọn để lấy ý kiến về thực trạng tổ chức QL TBDH ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, của 02 nhóm khảo sát 30 CBQL và 120 GV mặc dù các chỉ báo được đánh giá có TTB ở mức khá (TTB=3,33) nhưng xét về góc riêng lẻ có khá nhiều chỉ số thể hiện sự không tương quan giữa 2 đối tượng này (sig.=0,15>0,05) cụ thể như sau:

Các Tiêu chí 1: “Quản triệt cho GV, NV về tầm quan trọng của TBDH” (TTB=3,50; sig.=0,000; XH thứ 4); Tiêu chí 2: “Quy định sổ sách, báo cáo định kỳ, thường xuyên về tình trạng TBDH” (TTB=3,69; sig.= 0,034; XH thứ 2); Tiêu chí 3: “Xây dựng và phổ biến danh mục TBDH hiện có của NT” (TTB=3,90; sig.=0,000; XH thứ 1) và Tiêu chí 5: “Xây dựng các quy định về sử

dụng TBDH” (TTB=3,36; sig.=0,000; XH thứ 6) là những tiêu chí được cả 2 nhóm khảo sát 30CBQL và 120GV đánh giá là công tác được các trường THCS quan tâm thực hiện khá thường xuyên.

Tiêu chí 4: “Tập huấn hướng dẫn sử dụng TBDH” (TTB=2,64; sig.= 0,163; XH thứ 9); Tiêu chí 6: “Triển khai kế hoạch sử dụng TBDH của toàn trường, tổ bộ môn đến GV” (TTB=2,96; sig.= 0,060; XH thứ 7) và Tiêu chí 9: “Tổ chức hội thi sáng tạo đồ dùng dạy học” (TTB=2,89; sig.= 0,369; XH thứ 8), tuy được nhóm CBQL được nhận định tổ chức khá thường xuyên nhưng nhóm GV lại đánh giá ít được thực hiện thậm chí có tiêu chí không được tổ chức triển khai.

Tiêu chí 7: “Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, từng thành viên đối với công tác QL TBDH” (TTB=3,46; sig.= 0,620; XH thứ 5) và Tiêu chí 8: “Tổ chức bảo quản, bảo trì TBDH, hồ sơ TBDH khoa học, hợp lý” (TTB=3,58; sig.= 0,113; XH thứ 3), cả 2 nội dung này đều được nhận xét là thường xuyên thực hiện.

2.5. Thực trạng chỉ đạo quản lý TBDH

Kết quả khảo sát cho thấy: Các nội dung: “Hướng dẫn mua sắm, bảo quản và sử dụng TBDH”; “Theo dõi hoạt động mua sắm, bảo quản và sử dụng TBDH”; và “Uốn nắn, nhắc nhở những sai phạm trong khai thác và sử dụng TBDH”, 3 nội dung này được cả 2 nhóm CBQL, GV đánh giá là nội dung được HT khá quan tâm và thường xuyên chỉ đạo.

Những nội dung được đánh giá ở mức độ trung bình gồm: “Chỉ đạo xây dựng tiêu chí thi đua, thường xuyên động viên, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho GV, HS sử dụng TBDH”; “Chỉ đạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của GV và NV phụ trách QL TBDH”; “Chỉ đạo TCM và GV rà soát lại chương trình, nội dung, phương pháp học của từng khối, từng lớp cụ thể từ đó nắm bắt được nhu cầu sử dụng TBDH để đáp ứng kịp thời những yêu cầu đó”; “Chỉ đạo tổ chức hội thi sáng tạo đồ dùng dạy học”. Điều này cho thấy lãnh đạo một số trường chưa thật sự quan tâm đến các mặt công tác này.

2.6. Thực trạng kiểm tra, đánh giá (KTĐG) công tác TBDH

Kết quả khảo sát cho thấy: Chức năng thực hiện KTĐG QL TBDH ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, được 2 nhóm khảo sát thể hiện ở 2 mức là “thường xuyên” và “ít thường xuyên”; trong đó các chỉ tiêu được của từng nội dung kiểm tra, đánh giá thể hiện chi tiết như sau:

Các nội dung được HT thực hiện khá thường xuyên là: “Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động sử dụng TBDH” (TTB=3,89; XH 1); “Xây dựng

các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá TBDH” (TTB=3,38; XH 2); “Theo dõi, kiểm tra kế hoạch mua sắm, bảo quản và bảo dưỡng các TBDH” (TTB=3,30; XH 3) và “Đánh giá việc sử dụng TBDH trong quá trình dạy học của GV” (TTB=3,17; XH 4).

Những nội dung ít được quan tâm KTĐG bao gồm: “Kiểm tra đột xuất, định kỳ, thường xuyên hồ sơ việc bảo quản, bảo trì TBDH” (TTB=2,82; XH 5) và “Tổng kết, rút kinh nghiệm, phát hiện những khiếm khuyết, điều chỉnh những vấn đề cần thiết” (TTB=2,65; XH 6).

3. Kết luận

TBDH đóng vai trò quan trọng trong hoạt động dạy và học. TBDH tác động và ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Trong thời gian qua ngành Giáo dục và Đào tạo và các tỉnh, thành phố đã đầu tư trang thiết bị cho các trường THCS. TBDH trước hết cần đáp ứng theo danh mục tối thiểu, được thiết kế và sản xuất theo quy chuẩn đã được thẩm định. Bên cạnh đó, TBDH cần đảm bảo những tiêu chí như tính thẩm mỹ, tính sư phạm, tính hiệu quả và tính kinh tế.

Quản lý TBDH trong trường THCS là sự đầu tư có mục tiêu, có kế hoạch của nhà trường nhằm đảm bảo phục vụ cho hoạt động giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh, tạo đòn bẩy phát triển năng lực giáo viên và học sinh, nâng cao CLGD trong nhà trường, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH hiện nay. Qua kết quả nghiên cứu thực trạng tại các trườngTHCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thể khẳng định rằng hoạt động quản lý TBDH ở các trường THCS trong thời gian vừa qua đã có những ưu điểm nhất định; tuy nhiên vẫn còn hạn chế trong việc thực hiện các nội dung quản lý và chức năng quản lý, đặc biệt là các chức năng tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra. Vì vậy, TBDH cần phát huy vị thế, vai trò để nâng cao CLGD tại các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành TƯ (2013), Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Hà Nội

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT về thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022. Hà Nội

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT Ban hành điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có quy định nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học. Hà Nội

4. Quốc hội (2019). Luật số 43/2019/QH14 về Luật Giáo dục sửa đổi (2019). Hà Nội.